

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 – 5 – 2024  
“ *V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Dũng.

2. Ông Lê Văn Lực.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long** không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 567/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX - ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐ – HPT ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Ngọc G**, sinh năm: 1985 (Vắng có đơn).

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Văn T**, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc G trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T hôn nhân hình thành do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/09/2011.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cự cãi, anh T không phụ lo kinh tế gia đình, gây nợ nần, nhiều lần cự cãi cố ý đánh đập gây thương tích cho chị, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 01 con chung tên Ngô Cát T, sinh ngày 14/07/2011 hiện con chung đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Tường và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Tường đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bảng khai ý kiến ngày 21/3/2024 cháu Ngô Cát T trình bày: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

\* Bị đơn anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn chị G có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Xét việc bị đơn anh T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn;

Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị G và anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị G và anh T có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T còn bạo lực gia đình với chị G. Chị G và anh T đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh T cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị G yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị G xác định chị và anh T có 01 con chung tên Ngô Cát Tường, sinh ngày 14/07/2011. Hiện nay đang sống chung với chị G, khi ly hôn chị G có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, đồng thời yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Tường đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Tường từ nhỏ đã sống chung với chị G và cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng sống với chị G. Nên giao cháu T cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị G yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét yêu cầu của chị G là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi vì; để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu cho con sau khi cha mẹ ly hôn, pháp luật HNGĐ quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” Mục tiêu của pháp luật hướng tới là đảm bảo tối đa lợi ích cho con sau khi cha mẹ ly hôn, giúp con có điều kiện phát triển toàn diện, vì vậy nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện đến khi con đã thành niên hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường nên nghĩa vụ cấp dưỡng là của anh T, nếu xét ở mức độ nào đó đây cũng có thể coi là sự bù đắp tổn thất của anh T đối với cháu Tường. Hơn nữa mức cấp dưỡng mà chị G yêu cầu cũng tương đối thấp so với sự phát triển kinh tế hiện nay. Nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tường mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Tường đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn. Anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử;*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Võ Thị Ngọc G được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ngô Cát Tường, sinh ngày 14/07/2011 cho chị Võ Thị Ngọc G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Ngô Cát Tường đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án bên phải thi hành không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung:* Chị Võ Thị Ngọc G không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Ngô Văn T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc G không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Ngô Văn T không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

+ Chị Võ Thị Ngọc G phải nộp số tiền là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0008534, ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị Võ Thị Ngọc G đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Ngô Văn T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**

